

**BIÊN BẢN**

**họp Hội đồng xét tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính  
(hệ không tập trung) B98 huyện Xín Mần**

-----

Vào hồi 10h40' ngày 31/10/2019, Hội đồng xét tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính (hệ không tập trung) B98 huyện Xín Mần họp xét điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho các học viên thi tại Hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính (hệ không tập trung) B98 huyện Xín Mần.

**Địa điểm:** Phòng 201 - Nhà D - Trường Chính trị tỉnh Hà Giang

**Thành phần:** Theo Quyết định số 164-QĐ/TCT, ngày 29/5/2019 gồm 11 đồng chí, có mặt 11/11 đồng chí.

**Chủ trì:** Đồng chí **Sèn Chửn Ly** - Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng,

**Người ghi biên bản:** Đồng chí **Hoàng Thị Hiếu** - Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học.

**Nội dung:**

1. Đồng chí đồng chí **Sèn Chửn Ly** - Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp, phương pháp làm việc.

2. Đồng chí **Hoàng Thị Hiếu** - Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học báo cáo kết quả học tập, rèn luyện của học viên tại Hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính (hệ không tập trung) B98 huyện Xín Mần, tổng số học viên: 87 người.

Tổng số học viên của lớp đề nghị xét tốt nghiệp **85** học viên: **85** (Tám mươi năm) học viên có điểm học tập toàn khóa đủ điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp, trong đó có: **08** học viên điểm trung bình toàn khóa học từ 8,0 điểm đến dưới 9,0 điểm, **57** học viên có điểm trung bình toàn khóa học từ 7,0 điểm đến dưới 8,0 điểm, **20** học viên có điểm trung bình toàn khóa học từ 5,0 điểm đến dưới 7,0 điểm. Số học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp là 02 người (Đã làm thủ tục chuyển sang học lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B100 huyện Hoàng Su Phì)

Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học đề nghị Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho **85** (Tám mươi năm) học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính (hệ không tập trung) B98 huyện Xín Mần. Cụ thể: Xếp loại giỏi: **08** học viên; xếp loại khá: **57** học viên; xếp loại trung bình: **20** học viên.



3. Đồng chí Tổng Văn Quyết - thanh tra thi tốt nghiệp: Trình bày Báo cáo kết quả thanh tra đề thi, coi thi, chấm thi, chấm khóa luận tốt nghiệp. Tất cả các quá trình trên đều thực hiện đảm bảo đúng quy chế, quy định, không có sai sót.

4. Căn cứ Quy chế Đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính (*Ban hành kèm theo Quyết định số 2252/QĐ-HVCTQG, ngày 02/5/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*); Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của học viên. Hội đồng thảo luận và kết luận: Nhất trí và đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho **85** (*Tám mươi năm*) học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính (*hệ không tập trung*) B98 huyện Xín Mần. Trong đó: Xếp loại giỏi: **08** học viên; xếp loại khá: **57** học viên; xếp loại trung bình: **20** học viên (*có danh sách kèm theo*). Lớp học tổ chức lễ trao bằng và bế giảng vào chiều 21/11/2019.

Biểu quyết nhất trí: 11/11 đồng chí = 100%.

#### 5. Tổ chức thực hiện

- Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học hoàn thiện biên bản, soạn thảo Quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp, in bằng tốt nghiệp cho học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính (*hệ không tập trung*) B98 huyện Xín Mần trình Hiệu trưởng.

- Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học hoàn thiện văn bản phối hợp với Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Xín Mần chuẩn bị các điều kiện bế giảng và tổ chức bế giảng theo kế hoạch.

Hội nghị kết thúc vào hồi 11h00' cùng ngày và Biên bản đã được thông qua.

**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN**

**Hoàng Thị Hiếu**

**CHỦ TRÌ  
HIỆU TRƯỞNG**

kiêm

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**Sơn Chấn Ly**

#### Nơi nhận:

- Hiệu trưởng,
- Các phó Hiệu trưởng,
- Các thành viên Hội đồng xét tốt nghiệp,
- Chủ nhiệm lớp,
- Phòng Quản lý Đào tạo và nghiên cứu khoa học,
- Lưu Trường Chính trị, hồ sơ.



**DANH SÁCH**  
(kèm theo Biên bản số 65/BB/TĐXTN, ngày 31 tháng 10 năm 2019)



| TT | Họ và tên    |        | Phần I |      | Phần II | Phần III |       | Phần IV | Phần V |      |      | Phần VI | Điểm bài thu hoạch, NCTT | Điểm khóa luận tốt nghiệp | Trung bình cộng | Xếp loại   | Điểm rèn luyện toàn khóa |
|----|--------------|--------|--------|------|---------|----------|-------|---------|--------|------|------|---------|--------------------------|---------------------------|-----------------|------------|--------------------------|
|    |              |        | I.1    | I.2  |         | III.1    | III.2 |         | V.1    | V.2  | V.3  |         |                          |                           |                 |            |                          |
| 1  | Nguyễn Tuấn  | Anh    | 7.00   | 7.00 | 7.50    | 7.50     | 6.50  | 8.00    | 7.50   | 6.50 | 7.50 | 7.50    | 7.00                     | 7.67                      | <b>7.32</b>     | Khá        | 9.00                     |
| 2  | Phạm Ngọc    | Ánh    | 7.25   | 8.00 | 8.00    | 7.25     | 7.00  | 7.00    | 7.00   | 8.00 | 7.50 | 7.50    | 7.00                     | 7.08                      | <b>7.34</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 3  | Đào Thị      | Bích   | 7.50   | 8.00 | 7.50    | 7.00     | 6.25  | 7.25    | 7.00   | 6.50 | 8.00 | 7.50    | 7.00                     | 7.42                      | <b>7.27</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 4  | Nguyễn Quang | Bình   | 7.00   | 7.00 | 8.00    | 7.00     | 5.00  | 7.00    | 7.00   | 7.00 | 7.50 | 7.00    | 7.00                     | 7.67                      | <b>7.11</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 5  | Hoàng Thị    | Bình   | 7.25   | 8.00 | 8.00    | 7.00     | 7.25  | 8.00    | 7.25   | 7.50 | 8.00 | 7.50    | 7.00                     | 8.50                      | <b>7.73</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 6  | Gì Thị       | Chăm   | 7.25   | 6.50 | 7.00    | 7.50     | 6.50  | 7.50    | 6.00   | 5.00 | 7.50 | 6.25    | 6.00                     | 7.58                      | <b>6.84</b>     | Trung bình | 8.50                     |
| 7  | Sùng Văn     | Chấn   | 6.00   | 6.25 | 6.75    | 6.75     | 6.50  | 7.00    | 5.00   | 6.00 | 7.25 | 7.00    | 7.00                     | 5.92                      | <b>6.38</b>     | Trung bình | 9.00                     |
| 8  | Hoàng Xuân   | Chung  | 7.00   | 7.25 | 7.00    | 7.75     | 6.00  | 7.75    | 6.00   | 6.00 | 6.50 | 8.00    | 7.50                     | 7.17                      | <b>7.02</b>     | Khá        | 9.00                     |
| 9  | Sèn Văn      | Chương | 6.00   | 6.25 | 7.50    | 6.75     | 7.50  | 7.00    | 6.00   | 5.00 | 5.50 | 7.50    | 7.00                     | 6.58                      | <b>6.55</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 10 | Hoàng Văn    | Công   | 7.00   | 7.25 | 7.00    | 6.75     | 6.75  | 7.25    | 7.00   | 6.00 | 7.50 | 8.00    | 7.00                     | 6.58                      | <b>6.95</b>     | Trung bình | 9.00                     |
| 11 | Long Văn     | Cường  | 7.50   | 7.50 | 7.50    | 7.00     | 7.50  | 7.75    | 6.50   | 6.00 | 8.00 | 7.25    | 7.00                     | 6.58                      | <b>7.09</b>     | Khá        | 8.50                     |
| 12 | Lù Văn       | Đại    | 7.25   | 7.00 | 7.50    | 6.75     | 6.25  | 8.25    | 6.50   | 7.00 | 7.50 | 7.75    | 7.75                     | 7.00                      | <b>7.18</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 13 | Hà Mạnh      | Dân    | 6.00   | 8.00 | 8.00    | 7.50     | 7.50  | 7.25    | 7.25   | 8.00 | 7.50 | 7.50    | 7.00                     | 7.67                      | <b>7.47</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 14 | Nguyễn Thị   | Dậu    | 7.50   | 8.00 | 7.75    | 8.00     | 8.00  | 8.00    | 8.00   | 8.00 | 8.00 | 8.00    | 7.00                     | 9.00                      | <b>8.09</b>     | Giỏi       | 9.50                     |
| 15 | Lương Thị    | Điểm   | 8.00   | 7.50 | 8.00    | 8.00     | 7.25  | 7.25    | 7.75   | 7.50 | 8.00 | 7.25    | 7.00                     | 9.50                      | <b>8.00</b>     | Giỏi       | 9.50                     |



| TT | Họ và tên   |       | Phần I |      | Phần II | Phần III |       | Phần IV | Phần V |      |      | Phần VI | Điểm bài thu hoạch, NCTT | Điểm khóa luận tốt nghiệp | Trung bình cộng | Xếp loại   | Điểm rèn luyện toàn khóa |
|----|-------------|-------|--------|------|---------|----------|-------|---------|--------|------|------|---------|--------------------------|---------------------------|-----------------|------------|--------------------------|
|    |             |       | I.1    | I.2  |         | III.1    | III.2 |         | V.1    | V.2  | V.3  |         |                          |                           |                 |            |                          |
| 16 | Âu Thị      | Diện  | 7.50   | 7.00 | 7.50    | 8.00     | 7.00  | 7.75    | 8.00   | 8.00 | 7.50 | 8.00    | 7.50                     | 7.58                      | <b>7.61</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 17 | Trần Ngọc   | Điền  | 8.00   | 8.00 | 6.50    | 8.00     | 7.75  | 8.00    | 8.00   | 8.00 | 8.00 | 8.00    | 7.00                     | 9.00                      | <b>8.02</b>     | Giỏi       | 9.50                     |
| 18 | Sùng Thị    | Dinh  | 7.00   | 6.50 | 6.75    | 6.50     | 5.00  | 7.25    | 7.00   | 6.00 | 7.25 | 6.25    | 7.00                     | 5.83                      | <b>6.43</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 19 | Lềng Thái   | Đơ    | 7.00   | 8.00 | 6.75    | 6.50     | 6.75  | 8.00    | 7.00   | 6.00 | 7.00 | 7.50    | 7.00                     | 6.58                      | <b>6.95</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 20 | Sin Kim     | Đông  | 7.00   | 5.00 | 7.50    | 6.50     | 6.50  | 7.00    | 7.50   | 6.00 | 7.00 | 7.00    | 7.00                     | 6.25                      | <b>6.63</b>     | Trung bình | 8.50                     |
| 21 | Trần Hùng   | Hà    | 7.00   | 7.25 | 6.25    | 7.00     | 6.75  | 7.00    | 7.00   | 6.75 | 7.25 | 7.50    | 7.50                     | 6.00                      | <b>6.80</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 22 | Nguyễn Văn  | Hàn   | 7.50   | 7.25 | 7.25    | 7.25     | 7.50  | 7.75    | 7.00   | 6.00 | 7.00 | 8.00    | 7.00                     | 7.08                      | <b>7.20</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 23 | Lềng Thị    | Hân   | 7.25   | 7.00 | 8.00    | 7.00     | 7.00  | 7.25    | 7.25   | 6.00 | 7.00 | 7.50    | 6.50                     | 6.83                      | <b>7.02</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 24 | Nguyễn Thu  | Hằng  | 7.50   | 7.00 | 7.25    | 7.50     | 7.00  | 8.25    | 7.50   | 6.00 | 7.50 | 7.25    | 7.50                     | 7.33                      | <b>7.30</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 25 | Hoàng Thị   | Hiện  | 7.00   | 7.25 | 7.00    | 7.50     | 7.00  | 8.00    | 7.50   | 6.50 | 7.50 | 7.00    | 5.75                     | 7.33                      | <b>7.14</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 26 | Vương Minh  | Hiệu  | 6.75   | 8.00 | 7.75    | 7.25     | 7.00  | 7.00    | 7.50   | 6.75 | 8.00 | 8.00    | 8.00                     | 7.33                      | <b>7.43</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 27 | Trần Văn    | Hòa   | 7.00   | 8.00 | 6.75    | 6.75     | 7.00  | 7.50    | 7.75   | 7.00 | 8.00 | 8.00    | 7.25                     | 7.25                      | <b>7.34</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 28 | Hoàng Thị   | Hới   | 7.50   | 8.00 | 7.50    | 7.00     | 5.00  | 7.75    | 8.00   | 7.50 | 7.00 | 7.50    | 5.00                     | 7.08                      | <b>7.07</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 29 | Nguyễn Mạnh | Hùng  | 8.00   | 8.00 | 8.00    | 8.00     | 7.25  | 7.25    | 8.00   | 8.00 | 7.50 | 7.25    | 5.00                     | 9.00                      | <b>7.80</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 30 | Nùng Thị    | Hương | 7.50   | 7.50 | 6.00    | 7.50     | 7.25  | 7.50    | 7.75   | 7.00 | 8.00 | 7.50    | 6.00                     | 7.50                      | <b>7.29</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 31 | Hoàng Thị   | Huy   | 7.25   | 8.00 | 7.75    | 8.00     | 7.50  | 8.00    | 6.00   | 7.50 | 7.00 | 7.50    | 6.00                     | 6.92                      | <b>7.23</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 32 | Đỗ Đình     | Huỳnh | 7.00   | 6.25 | 7.25    | 7.00     | 6.00  | 7.00    | 7.50   | 6.00 | 7.50 | 8.00    | 6.25                     | 6.50                      | <b>6.80</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 33 | Lục Thị Kim | Liên  | 7.25   | 7.50 | 7.00    | 8.00     | 6.50  | 8.00    | 8.00   | 7.00 | 7.50 | 7.50    | 5.00                     | 6.83                      | <b>7.12</b>     | Khá        | 9.50                     |



| TT | Họ và tên      |        | Phần I |      | Phần II | Phần III |       | Phần IV | Phần V |      |      | Phần VI | Điểm bài thu hoạch, NCTT | Điểm khóa luận tốt nghiệp | Trung bình cộng | Xếp loại   | Điểm rèn luyện toàn khóa |
|----|----------------|--------|--------|------|---------|----------|-------|---------|--------|------|------|---------|--------------------------|---------------------------|-----------------|------------|--------------------------|
|    |                |        | I.1    | I.2  |         | III.1    | III.2 |         | V.1    | V.2  | V.3  |         |                          |                           |                 |            |                          |
| 34 | Đoàn Thị Thanh | Loan   | 8.00   | 8.00 | 7.75    | 7.50     | 8.00  | 7.75    | 8.00   | 8.00 | 8.00 | 7.50    | 7.00                     | 8.50                      | <b>7.93</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 35 | Tổng Thị       | Lộc    | 7.25   | 8.00 | 7.75    | 8.00     | 7.50  | 8.00    | 7.75   | 7.50 | 7.50 | 8.00    | 7.00                     | 9.00                      | <b>7.95</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 36 | Dương Đức      | Lợi    | 7.25   | 8.00 | 7.75    | 7.00     | 6.50  | 7.00    | 7.50   | 6.00 | 7.50 | 7.50    | 5.00                     | 7.00                      | <b>7.00</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 37 | Hạng Quang     | Lồng   | 6.50   | 6.50 | 6.75    | 7.00     | 6.50  | 6.75    | 7.00   | 6.00 | 6.50 | 7.25    | 6.75                     | 6.25                      | <b>6.59</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 38 | Nông Thị       | Lượng  | 8.00   | 7.75 | 8.00    | 7.75     | 7.00  | 8.50    | 7.25   | 8.00 | 8.00 | 8.00    | 7.75                     | 9.00                      | <b>8.07</b>     | Giỏi       | 9.50                     |
| 39 | Lù Văn         | Luyện  | 7.00   | 7.00 | 7.25    | 7.50     | 7.00  | 7.50    | 6.50   | 6.00 | 7.50 | 6.25    | 8.00                     | 6.58                      | <b>6.95</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 40 | Vũ Văn         | Mẫn    | 7.25   | 8.00 | 7.00    | 7.25     | 7.00  | 8.00    | 8.00   | 6.75 | 7.75 | 7.00    | 5.00                     | 7.25                      | <b>7.20</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 41 | Lý Thị         | Mến    | 7.00   | 8.00 | 7.50    | 8.00     | 7.50  | 8.00    | 7.50   | 7.50 | 8.00 | 8.00    | 6.25                     | 9.00                      | <b>7.88</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 42 | Vương Văn      | Minh   | 7.25   | 8.00 | 7.75    | 7.50     | 7.00  | 8.00    | 7.00   | 8.00 | 7.00 | 7.00    | 5.50                     | 7.67                      | <b>7.36</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 43 | Lê Thị         | Ngát   | 8.00   | 8.00 | 8.00    | 7.50     | 8.00  | 7.25    | 8.00   | 7.75 | 7.00 | 8.00    | 7.00                     | 9.00                      | <b>7.96</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 44 | Xên Văn        | Nghiêm | 7.25   | 7.75 | 7.75    | 7.75     | 7.00  | 8.00    | 8.00   | 7.00 | 7.00 | 7.50    | 7.00                     | 7.25                      | <b>7.41</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 45 | Vũ Thị         | Nguyệt | 7.50   | 7.50 | 8.00    | 7.25     | 7.25  | 7.75    | 7.75   | 7.00 | 8.00 | 8.00    | 8.00                     | 8.50                      | <b>7.82</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 46 | Ly Văn         | Phong  | 7.75   | 8.00 | 7.00    | 8.00     | 7.00  | 8.25    | 8.50   | 7.50 | 7.50 | 8.00    | 7.50                     | 9.00                      | <b>8.00</b>     | Giỏi       | 9.50                     |
| 47 | Vàng Văn       | Phú    | 7.00   | 8.00 | 8.00    | 6.75     | 7.50  | 7.25    | 8.25   | 7.00 | 7.50 | 7.50    | 8.00                     | 7.75                      | <b>7.57</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 48 | Dương Thị      | Phương | 7.00   | 7.00 | 7.75    | 6.75     | 6.50  | 7.00    | 7.50   | 7.00 | 7.50 | 8.00    | 7.00                     | 6.83                      | <b>7.11</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 49 | Hoàng Thị      | Phương | 5.25   | 6.75 | 7.00    | 6.50     | 6.00  | 7.00    | 6.50   | 6.00 | 6.50 | 7.50    | 8.00                     | 6.08                      | <b>6.52</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 50 | Hoàng Tú       | Phượng | 7.50   | 7.75 | 7.25    | 7.00     | 7.50  | 8.25    | 8.00   | 7.00 | 7.50 | 7.50    | 7.50                     | 7.58                      | <b>7.54</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 51 | Trần Văn       | Quân   | 7.25   | 8.00 | 7.00    | 7.75     | 7.50  | 8.00    | 8.25   | 7.00 | 7.75 | 8.00    | 8.00                     | 9.00                      | <b>7.96</b>     | Khá        | 9.50                     |



| TT | Họ và tên   |        | Phần I |      | Phần II | Phần III |       | Phần IV | Phần V |      |      | Phần VI | Điểm bài thu hoạch, NCTT | Điểm khóa luận tốt nghiệp | Trung bình cộng | Xếp loại   | Điểm rèn luyện toàn khoá |
|----|-------------|--------|--------|------|---------|----------|-------|---------|--------|------|------|---------|--------------------------|---------------------------|-----------------|------------|--------------------------|
|    |             |        | I.1    | I.2  |         | III.1    | III.2 |         | V.1    | V.2  | V.3  |         |                          |                           |                 |            |                          |
| 52 | Lộc Thị     | Quế    | 7.50   | 7.75 | 7.50    | 7.50     | 6.75  | 7.50    | 7.50   | 7.50 | 7.25 | 8.00    | 7.50                     | 7.25                      | <b>7.43</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 53 | Hoàng Văn   | Quyết  | 7.50   | 7.50 | 8.00    | 7.50     | 7.25  | 7.50    | 7.50   | 8.00 | 7.50 | 7.50    | 8.00                     | 7.33                      | <b>7.55</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 54 | Hoàng Văn   | Soạn   | 7.00   | 6.25 | 6.75    | 7.50     | 7.00  | 6.75    | 6.50   | 7.00 | 7.00 | 7.50    | 7.00                     | 6.75                      | <b>6.89</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 55 | Trần Đình   | Son    | 7.50   | 8.00 | 7.50    | 7.50     | 7.00  | 7.50    | 7.50   | 7.25 | 7.50 | 7.50    | 7.50                     | 7.50                      | <b>7.48</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 56 | Phạm Thị    | Tâm    | 8.00   | 8.00 | 8.00    | 8.00     | 7.50  | 8.50    | 7.50   | 8.00 | 8.00 | 8.00    | 8.00                     | 8.50                      | <b>8.07</b>     | Giỏi       | 9.50                     |
| 57 | Mai Thanh   | Tân    | 7.50   | 7.50 | 7.75    | 8.00     | 8.00  | 7.75    | 7.50   | 7.00 | 7.50 | 6.50    | 8.00                     | 8.50                      | <b>7.75</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 58 | Bùi Quốc    | Thái   | 6.75   | 7.00 | 7.25    | 6.75     | 7.00  | 7.00    | 7.00   | 6.00 | 7.00 | 7.50    | 7.00                     | 7.08                      | <b>6.96</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 59 | Xèn Minh    | Thắng  | 6.75   | 6.50 | 7.25    | 6.75     | 7.00  | 7.00    | 7.50   | 5.50 | 7.50 | 7.00    | 8.00                     | 6.33                      | <b>6.84</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 60 | Sùng Minh   | Thành  | 7.50   | 8.00 | 6.75    | 8.00     | 7.00  | 7.25    | 8.00   | 7.00 | 8.00 | 6.00    | 7.50                     | 9.00                      | <b>7.71</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 61 | Vương Khánh | Thiện  | 7.25   | 7.00 | 7.75    | 7.00     | 7.00  | 7.25    | 7.25   | 7.00 | 7.50 | 6.00    | 7.00                     | 6.92                      | <b>7.05</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 62 | Nguyễn Thị  | Thoan  | 7.75   | 8.00 | 8.25    | 7.00     | 8.00  | 8.25    | 8.00   | 7.50 | 7.00 | 8.00    | 8.00                     | 8.00                      | <b>7.84</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 63 | Hoàng Văn   | Thuần  | 7.00   | 6.00 | 7.00    | 6.50     | 7.00  | 6.75    | 6.50   | 6.00 | 7.00 | 7.25    | 7.50                     | 5.67                      | <b>6.54</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 64 | Ly Seo      | Thưởng | 6.50   | 7.00 | 7.00    | 7.25     | 7.00  | 7.75    | 7.00   | 7.00 | 7.50 | 6.75    | 7.50                     | 6.75                      | <b>7.04</b>     | Khá        | 8.00                     |
| 65 | Phạm Thị    | Thùy   | 7.50   | 7.75 | 8.00    | 8.00     | 8.00  | 8.50    | 8.00   | 8.00 | 7.50 | 8.00    | 8.00                     | 9.00                      | <b>8.16</b>     | Giỏi       | 9.50                     |
| 66 | Nông Thị    | Thuyền | 7.50   | 6.50 | 7.50    | 7.50     | 7.50  | 8.00    | 7.50   | 6.75 | 5.50 | 7.00    | 8.00                     | 7.83                      | <b>7.34</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 67 | Tải Sao     | Tiến   | 6.25   | 6.50 | 7.00    | 7.00     | 7.00  | 6.00    | 7.00   | 7.00 | 6.50 | 7.50    | 8.00                     | 6.75                      | <b>6.86</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 68 | Nguyễn Thị  | Trang  | 7.50   | 7.00 | 8.25    | 8.00     | 7.00  | 8.25    | 8.25   | 7.50 | 7.00 | 7.25    | 8.00                     | 9.00                      | <b>7.93</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 69 | Đỗ Anh Kiều | Trang  | 7.75   | 7.50 | 7.25    | 7.00     | 7.50  | 7.75    | 8.00   | 7.50 | 7.50 | 7.50    | 8.00                     | 7.33                      | <b>7.52</b>     | Khá        | 9.50                     |



| TT | Họ và tên     |       | Phần I |      | Phần II | Phần III |       | Phần IV | Phần V |      |      | Phần VI | Điểm bài thu hoạch, NCTT | Điểm khóa luận tốt nghiệp | Trung bình cộng | Xếp loại   | Điểm rèn luyện toàn khoá |
|----|---------------|-------|--------|------|---------|----------|-------|---------|--------|------|------|---------|--------------------------|---------------------------|-----------------|------------|--------------------------|
|    |               |       | I.1    | I.2  |         | III.1    | III.2 |         | V.1    | V.2  | V.3  |         |                          |                           |                 |            |                          |
| 70 | Hoàng Văn     | Trực  | 7.00   | 6.75 | 7.50    | 7.00     | 6.50  | 7.50    | 7.25   | 6.00 | 7.50 | 7.00    | 7.00                     | 6.67                      | <b>6.93</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 71 | Nguyễn Văn    | Tuấn  | 7.50   | 7.75 | 8.00    | 7.50     | 7.50  | 7.50    | 7.50   | 8.00 | 8.00 | 8.00    | 7.00                     | 8.50                      | <b>7.84</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 72 | Lý Hồng       | Tường | 7.00   | 7.75 | 8.00    | 7.00     | 7.50  | 7.00    | 7.25   | 6.75 | 7.75 | 7.25    | 7.50                     | 7.33                      | <b>7.34</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 73 | An Thị        | Vân   | 7.00   | 7.50 | 8.00    | 7.75     | 7.50  | 8.00    | 7.50   | 7.00 | 7.50 | 7.50    | 8.00                     | 7.42                      | <b>7.54</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 74 | Vàng Seo      | Văn   | 7.00   | 7.50 | 7.50    | 7.25     | 6.50  | 7.25    | 7.00   | 7.00 | 7.25 | 7.00    | 7.00                     | 7.25                      | <b>7.14</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 75 | Ly Trần       | Vân   | 6.50   | 6.25 | 6.25    | 6.75     | 6.00  | 6.50    | 7.00   | 6.00 | 7.00 | 7.25    | 7.50                     | 6.25                      | <b>6.55</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 76 | Vàng Thị      | Vẽ    | 7.00   | 7.00 | 7.50    | 6.75     | 6.50  | 7.25    | 8.00   | 6.50 | 7.00 | 7.25    | 7.50                     | 6.25                      | <b>6.93</b>     | Trung bình | 9.50                     |
| 77 | Vi Quốc       | Việt  | 7.00   | 8.00 | 7.50    | 7.50     | 6.75  | 7.50    | 7.50   | 7.00 | 8.00 | 7.25    | 7.00                     | 8.00                      | <b>7.50</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 78 | Hoàng Quốc    | Việt  | 7.00   | 8.00 | 7.25    | 7.50     | 6.75  | 8.00    | 8.00   | 7.00 | 7.25 | 8.00    | 7.50                     | 7.17                      | <b>7.41</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 79 | Vương Ngọc    | Việt  | 7.00   | 8.00 | 7.50    | 7.50     | 6.50  | 7.25    | 7.50   | 6.00 | 7.00 | 7.50    | 7.00                     | 6.92                      | <b>7.11</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 80 | Sùng Văn      | Vinh  | 7.00   | 7.75 | 7.00    | 7.00     | 7.00  | 7.25    | 7.50   | 7.00 | 7.00 | 7.25    | 8.00                     | 6.75                      | <b>7.14</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 81 | Lù Đức        | Vinh  | 7.00   | 8.00 | 7.50    | 7.25     | 6.50  | 7.00    | 7.50   | 6.50 | 7.25 | 8.00    | 7.50                     | 6.58                      | <b>7.12</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 82 | Lý Văn        | Xín   | 7.25   | 7.00 | 7.50    | 7.25     | 7.00  | 7.50    | 7.50   | 7.00 | 7.00 | 8.00    | 7.00                     | 6.92                      | <b>7.20</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 83 | Hoàng Thị     | Xoa   | 7.50   | 7.75 | 7.00    | 7.00     | 7.00  | 7.75    | 7.50   | 8.00 | 7.00 | 8.00    | 7.75                     | 7.67                      | <b>7.52</b>     | Khá        | 9.50                     |
| 84 | Bàn Thị       | Xuân  | 7.50   | 8.00 | 8.00    | 8.00     | 7.50  | 8.25    | 8.50   | 8.00 | 7.00 | 7.50    | 8.50                     | 9.00                      | <b>8.13</b>     | Giỏi       | 9.50                     |
| 85 | Sin Thị Thanh | Xuân  | 7.25   | 8.00 | 7.50    | 7.00     | 7.50  | 7.25    | 8.00   | 7.00 | 7.50 | 8.00    | 8.00                     | 7.58                      | <b>7.55</b>     | Khá        | 9.50                     |

Danh sách ấn định: 85 học viên